

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 162/2024/HS-ST

Ngày: 25-10-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Thành Trại – Cán bộ hưu trí

2/ Bà Nguyễn Thị Phương Dung – Bí Thư xã Đoàn Vĩnh Kim.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phục – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử kín vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 147/2024/HSST ngày 04 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đức T**; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 21/7/2002 tại tỉnh TG. Nơi cư trú: ấp TT, xã TH, huyện CT, tỉnh TG; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Họ tên cha: Nguyễn Thành D; Họ tên mẹ: Phạm Thị Kim L; Bị cáo chung sống như vợ chồng với Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm: 2002; Bị cáo có 02 người con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 10/7/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xử phạt 07 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo Bản án số 80/2023/HSST ngày 10/7/2023. Chấp hành xong ngày 27/10/2023; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/6/2024. Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tiền Giang. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại:* **Lê Phạm Ngọc N**, sinh ngày 18/3/2009, nơi đăng ký thường trú: ấp

C, xã PK, huyện GCD, tỉnh TG. Nơi ở: ấp 6, xã TH, huyện CT, tỉnh TG (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Phạm Thị Lệ H, sinh năm: 1982, địa chỉ: ấp 6, xã TH, huyện CT, tỉnh TG (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: **Trương Thị Thảo P** – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tiền Giang (có mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ **Trần Hồng P**, sinh ngày 28/5/2008, địa chỉ: ấp TL, xã TLĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp: Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm: 1982, địa chỉ: ấp TL, xã TLĐ, huyện CT, tỉnh TG (vắng mặt).

2/ **Phạm Thị Kim L**, sinh năm: 1969, địa chỉ: ấp TT, xã TH, huyện CT, tỉnh TG (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2022, bị cáo Nguyễn Đức T quen biết và phát sinh quan hệ tình cảm với Lê Phạm Ngọc N, sinh ngày: 18/3/2009, nơi thường trú: ấp C, xã KP, huyện GCD, tỉnh TG. Đến khoảng tháng 02/2023, bị cáo T đưa N về nhà của bị cáo tại ấp TT, xã TH, huyện CT, tỉnh TG sinh sống. Tại đây, bị cáo T và N quan hệ tình dục với nhau nhiều lần (khoảng 6 lần) tại phòng ngủ của bị cáo, đến khoảng 10 ngày thì N bỏ đi, sau đó N phát hiện có thai. Đến ngày 27/11/2023, N sinh một bé trai tại Bệnh viện phụ sản tỉnh Tiền Giang thì sự việc được phát hiện.

** Thu giữ vật chứng, đồ vật: Không có.*

** Tại Bản kết luận giám định số 423/KL-KTHS ngày 19/02/2024 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Lê Phạm Ngọc N và bé trai có mẫu gửi giám định (bé trai sinh ra ngày 27/11/2023 tại Bệnh viện phụ sản Tiền Giang) có quan hệ huyết thống mẹ - con. Trần Hồng P và bé trai không có quan hệ huyết thống cha - con.*

** Tại Bản kết luận giám định số 1798/KL-KTHS ngày 22/4/2024 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Nguyễn Đức T và bé trai do Lê Phạm Ngọc N sinh ra ngày 27/11/2023 tại Bệnh viện phụ sản Tiền Giang có quan hệ huyết thống cha - con.*

** Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Phạm Ngọc N và gia đình yêu cầu bị cáo Nguyễn Đức T bồi thường chi phí sinh, chăm sóc bé sơ sinh là 90.000.000 đồng,*

tiền tổn thất tinh thần là 18.000.000 đồng, tiền người nuôi N và bé khi N sinh nở là 30.000.000 đồng, tiền cấp dưỡng nuôi con là 2.340.000 đồng/tháng, cho đến khi 18 tuổi. Bị cáo T đồng ý bồi thường và tác động gia đình bồi thường được cho N số tiền 2.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 149/CT-VKSCT ngày 03/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo điểm a, d khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày: Thống nhất với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo. Về trách nhiệm hình sự: Do bị cáo là lao động chính trong gia đình, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo phạm tội khi tuổi đời con nhỏ, kém hiểu biết, gia đình bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí sinh, chăm sóc bé sơ sinh, tiền tổn thất tinh thần, tiền người nuôi N và bé khi N sinh nở là 20.000.000đồng. Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền là 10.000.000đồng, bị cáo đồng ý bồi thường tiếp cho bị hại số tiền 10.000.000đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng, căn cứ vào tình chất, mức độ phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”.

Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 145; Điều 32; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Về vật chứng: Không có.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí sinh, chăm sóc bé sơ sinh, tiền tổn thất tinh thần, tiền người nuôi N và bé khi N sinh nở là 20.000.000đồng. Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền là 10.000.000đồng, bị cáo đồng ý bồi thường tiếp cho bị hại số tiền 10.000.000đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại phiên tòa bị hại chị Lê Phạm Ngọc N khai đang chung sống như vợ chồng với đối tượng tên Đinh Hoài Linh S, sinh năm 2007 tại ấp 6, xã TH, huyện CT, tỉnh

TG nên đề nghị Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xác minh, làm rõ nếu có căn cứ đề nghị xử lý sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo thừa nhận từ khoảng tháng 2/2023 đến tháng 3/2023 tại ấp TT, xã TH, huyện CT, tỉnh TG, bị cáo Nguyễn Đức T nhiều lần (khoảng 06 lần) thực hiện hành vi quan hệ tình dục tự nguyện với Lê Phạm Ngọc N, sinh ngày: 18/3/2009, dẫn đến N có thai. Vào thời điểm trên N đã hơn 13 tuổi nhưng chưa đủ 16 tuổi. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và các tài liệu, chứng khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Xét hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, trực tiếp xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm, sự phát triển bình thường về thể chất, tâm sinh lý của bị hại và gây mất trật tự tại địa phương. Vì vậy cần phải xử lý và áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo giáo dục riêng đối với bị cáo, đồng thời bảo đảm ngăn ngừa tội phạm chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và ăn năn hối cải, đã hỗ trợ để khắc phục một phần hậu quả, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội

đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí sinh, chăm sóc bé sơ sinh, tiền tổn thất tinh thần, tiền người nuôi N và bé khi N sinh nở là 20.000.000đồng. Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền là 10.000.000đồng, bị cáo đồng ý bồi thường tiếp cho bị hại số tiền 10.000.000đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại phiên tòa bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo cấp dưỡng nuôi con, khi nào có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[5] Quá trình điều tra xác định, ngoài quan hệ tình dục với Nguyễn Đức Th thì từ khoảng tháng 8/2022 đến ngày 26/01/2023, N còn nhiều lần quan hệ tình dục với Trần Hồng P, sinh ngày: 28/5/2008, nơi thường trú: ấp TL, xã TLĐ, huyện CT, tỉnh TG tại nhà của P tọa lạc ấp TL, xã TLĐ và tại nhà nghỉ "Phương Trang" tọa lạc ấp Cửu Hòa, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Tuy nhiên thời điểm quan hệ tình dục P chưa đủ 18 tuổi nên không chịu trách nhiệm hình sự về tội "Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi" quy định tại Điều 145 Bộ luật Hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang không xử lý hình sự đối với P là có cơ sở.

[6] Tại phiên tòa bị hại chị Lê Phạm Ngọc N khai đang chung sống như vợ chồng với đối tượng tên Đinh Hoài Linh S, sinh năm 2007 tại ấp 6, xã TH, huyện CT, tỉnh TG nên kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xác minh, làm rõ nếu có căn cứ đề nghị xử lý sau.

[7] Xét quan điểm luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Về hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”.

Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 145; Điều 32; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ thời điểm bắt tạm giam ngày 15/6/2024.

2/ Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, Điều 592 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị cáo Nguyễn Đức T có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại chị Lê Phạm Ngọc N số tiền là 10.000.000đồng (Mười triệu đồng). Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3/ Về án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 500.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Công an huyện Châu Thành;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Sở tư pháp tỉnh Tiền Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- *Người tham gia tổ tụng;*
- *Lưu HS, AV.*

Nguyễn Thị Chinh